PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁO **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TRƯỜNG MN PHƯỚC SANG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 Số: 61/KHCK - MNPS *Phước Sang, ngày 06 tháng 9 năm 2017*

**KẾ HOẠCH**

**THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI**

**NĂM HỌC 2017- 2018**

Thực hiện thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 21/2005/TT –BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ tài chính;

Trường MN Phước Sang xây dựng kế hoạch thực hiện quy chế công khai theo Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT như sau:

**II. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai**

Ban Chỉ đạo của Trường do Hiệu trưởng làm Trưởng ban; Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn là Phó trưởng ban. Trưởng các bộ phận, tổ chức đoàn là các uỷ viên của Ban chỉ đạo.

Hiệu trưởng (Trưởng ban chỉ đạo) tổ chức học tập, quán triệt nội dung Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT trong Hội đồng sư phạm nhà trường.

Các thành viên trong ban chỉ đạo thực hiện theo sự phân công của trưởng, phó ban, căn cứ Qui chế công khai ban hành theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành thu thập thông tin, số liệu kê khai các biểu mẫu: 01, 02, 03, 04, báo cáo nội dung công khai: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; Công khai thu, chi tài chính; đồng thời phải bảo đảm thời gian hoàn tất báo cáo để công khai trước tập thể nhà trường, phụ huynh học sinh và cơ quan lãnh đạo Phòng GDĐT đúng lộ trình để ra trong kế hoạch.

Phó ban trực, Phó ban giám sát, ủy viên Thanh tra giúp Trưởng ban thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thành viên Ban chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Qui chế và văn bản hướng dẫn thực hiện kế hoạch công khai của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

**III. Các nội dung thực hiện công khai.**

**1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:**

Cam kết chất lượng: điều kiện tuyển sinh vào lớp đầu cấp; thực hiện chương trình giảng dạy; công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình học sinh; những yêu cầu về thái độ học tập của học sinh; điều kiện CSVC nhà trường cam kết phục vụ tốt cho học sinh các hoạt động hỗ trợ cho việc học tập, sinh hoạt của học sinh; tình hình đội ngũ CB-VC và phương pháp quản lí nhà trường; kết quả thực hiện chăm sóc sức khỏe học sinh trong; chất lượng giáo dục của học sinh (đính kèm biểu mẫu số 01).

Kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: kế hoạch trường đạt chuẩn quốc gia đảm bảo đạt 5/5 tiêu chuẩn

Cam kết chất lượng giáo dục: Điều kiện về đối tượng tuyển sinh đầu vào đối với 5 trẻ 5 tuổi đảm bảo đạt 100% của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở của nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý nhà trường

**2. Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:**

Cơ sở vật chất: về số lượng và diện tích các phòng học, phòng chức năng, sân chơi được tính bình quân trên một học sinh; tổng số thiết bị phục vụ dạy học được tính bình quân trên một lớp; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện ánh sáng; kết nối thông tin mạng ADSL, tường rào bảo vệ trường (đính biểu mẫu số 03) .

Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo tổng số CB-VC, hình thức tuyển dụng theo NĐ 116 (biên chế, hợp đồng làm việc); các hình thức hợp đồng khác theo NĐ 68; trình độ đào tạo (đính kèm biểu mẫu số 4).

Số lượng giáo viên, CBQL và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học và những năm tiếp theo.

**3. Công khai thu chi tài chính:**

Tình hình tài chính của nhà trường: công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg (16-11-2004) của Thủ tướng Chính phủ về ngân sách và có sự đóng góp của nhân dân; Thông tư số 21/2005/TT-BTC (22-3-2005) của Bộ tài chính về ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Các khoản chi theo từng năm học như: chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, chi tham quan học tập; mức thu nhập của giáo viên, CBQL (mức cao nhất, mức thấp nhất), chi thường xuyên, chi đầu tư sửa chữa, mua sắm.

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

a) Các khoản thu từ học sinh trong năm học 2017 - 2018

b) Ngân sách nhà nước cấp (theo dự toán 2017).

Các khoản chi trong năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hộihọp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm các khoản đóng góp đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội theo quy định.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

**IV. Phân công nhiệm vụ các thành viên tham gia điều tra cung cấp số liệu, thông tin.**

**1.** **Bà: Võ Thị Hồng Cúc (TB): Chỉ đạo điều hành tổ chức triển khai Thông tư: 09/2009/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT và hướng dẫn của Phòng GDĐT Phú Giáo và**

**“ 3 công khai ” của trường đến tất cả toàn thể Hội đồng sư phạm nhà trường, PHHS.**

**2. Bà: Hoàng Thị Thạo (phó TB trực): Chỉ đạo trực tiếp các thành viên tiến hành đều tra thông tin, thu thập số liệu cập nhật vào các biểu mẫu số: 01, 02, 03, 04 và điều hành kê khai báo cáo thu chi tài chính; tổ chức kiểm tra và nhập thông tin trên máy vi tính.**

**3. Bà: Nguyễn Thị Xuân Chúc (Phó TB giám sát): Thực hiện chức năng giám sát các cá nhân, bộ phận kê khai thông trên các báo cáo, biểu mẫu trung thực, chính xác, tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai như: Nội qui, Qui chế làm việc của nhà trường; Qui chế dân chủ cơ sở; Bản tổng hợp chất lượng giáo dục; Bảng phân công lao động; Qui chế chi tiêu nội bộ năm 2017; kiểm tra thời gian tổ chức công khai, địa điểm công khai và thường xuyên báo cáo Trưởng ban về tình hình triển khai Qui chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục nhà trường.**

**4. Bà: Nguyễn Thị Ngọc Thắm (Thư ký): Tổng hợp thông tin báo cáo, các biểu mẫu kê khai, nhập dữ liệu trên máy vào các biểu mẫu báo cáo.**

**5. Báo cáo thu, chi tài chính: Nguyễn Thị Phượng**

**6. Tổng hợp nhập máy các biểu mẫu, báo cáo, chọn địa điểm để niêm yết công khai các nội dung qui định theo Thông tư 09/2009-TT-BGDĐT và ghi chép biên bản các cuộc họp Ban chỉ đạo và Hội đồng sư phạm, giúp Trưởng ban hoàn thành kế hoạch thực hiện Qui chế công khai: Nguyễn Thị Ngọc Thắm**

**V. Tổ chức thực hiện.**
**Về hình thức và địa điểm công khai ,thời gian công khai:**

Tổ chức công khai trong Hội đồng sư phạm nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, trường; các tài liệu in đầy đủ niêm yết ở vị trí phòng Hội đồng giáo viên rất thuận tiện theo dõi ( gồm: Qui chế công khai cơ sở giáo dục theo Thông tư 09/2009/TT-BGD ĐT và kế hoạch thực hiện Qui chế của nhà trường, có đính kèm các biểu mẫu báo cáo; Qui chế làm việc của trường; Qui chế dân chủ cơ sở; Qui chế chi tiêu nội bộ năm 2017 ).

 Công khai công bố trong các cuộc họp của cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

 Niêm yết công khai tại bảng tin nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh theo dõi. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm, cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

 Đối với nội dung “ Các khoản thu từ học sinh trong năm học 2017 – 2018 ” Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh đầu năm và trong các cuộc họp hội đồng tại nhà trường

***Ghi chú:*** Các nội dung“ 3 công khai” và các loại Qui chế có liên quan được niêm yết thường xuyên tại phòng hội đồng để CB-VC và PHHS có điều kiện theo dõi cụ thể hơn.

 Trên đây là kế hoạch thực hiện quy chế 3 công khai của trường MN Phước Sang./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Phòng GDĐT Phú Giáo;- Các thành viên trong ban công khai của trường- Lưu: HS tài chính trường |  **HIỆU TRƯỞNG**  **Võ Thị Hồng Cúc** |

**Biểu mẫu 01**

*(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của*

*Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp): Phòng GDĐT Phú Giáo

(Tên cơ sở giáo dục): Trường MN Phước Sang

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2017 - 2018**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Nhà trẻ** | **Mẫu giáo** |
| **I** | **Mức độ về sức khỏe mà trẻ em** **sẽ đạt được**  | **92,3%** | **94,3%** |
| **II** | **Mức độ về năng lực và hành vi** **mà trẻ em sẽ đạt được**  | **90%** | **90%** |
| **III** | **Chương trình chăm sóc giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ** | **100%** | **100%**  |
| **IV** | **Các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục**  | **100%** | **100%**  |

 Phước Sang, ngày 06 tháng 9 năm 2017

 Thủ trưởng đơn vị

 (Ký tên và đóng dấu)

**Biểu mẫu 02**

*(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp): Phòng GDĐT Phú Giáo

(Tên cơ sở giáo dục): Trường MN Phước Sang

**THÔNG BÁO**

**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2017-2018**

Đơn vị tính: trẻ em

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Tổng số trẻ em | Nhà trẻ | Mẫu giáo |
| 3-12 tháng tuổi | 13-24 thángtuổi | 25-36 thángtuổi | 3-4 tuổi | 4-5tuổi | 5-6 tuổi |
| **I** | **Tổng số trẻ em**  | 182 |  |  | 26 | 41 | 45 | 70 |
| 1 | Số trẻ em nhóm ghép |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Số trẻ em 1 buổi/ngày |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Số trẻ em 2 buổi/ngày |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Số trẻ em được tổ chức ăn** **tại cơ sở** | 182 |  |  | 26 | 41 | 45 | 70 |
| **III** | **Số trẻ em được kiểm tra** **định kỳ sức khỏe** | 182 |  |  | 26 | 41 | 45 | 70 |
| **IV** | **Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng** | 182 |  |  | 26 | 41 | 45 | 70 |
| **V** | **Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Kênh bình thường |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Kênh dưới -2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Kênh dưới -3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Kênh trên +2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Kênh trên +3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Phân loại khác |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Số trẻ em suy dinh dưỡng |  |  |  | 2 | 4 | 3 | 2 |
| 8 | Số trẻ em béo phì, thừa cân |  |  |  |  |  |  |  |
| **VI** | **Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục**  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Đối với nhà trẻ |  |  |  |  |  |  |  |
| a | Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ 3 -36 tháng |  |  |  |  |  |  |  |
| b | Chương trình giáo dục mầm non -Chương trình giáo dục nhà trẻ |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Đối với mẫu giáo |  |  |  |  |  |  |  |
| a | Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo |  |  |  |  |  |  |  |
| b | Chương trình 26 tuần |  |  |  |  |  |  |  |
| c | Chương trình 36 buổi |  |  |  |  |  |  |  |
| d | Chương trình giáo dục mầm non mới | 182 |  |  | 26 | 41 | 45 | 70 |

 Phước Sang, ngày 06 tháng 9 năm 2017

 Thủ trưởng đơn vị

 (Ký tên và đóng dấu)

**Biểu mẫu 03**

*(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của*

*Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

 (Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp): Phòng GDĐT Phú Giáo

(Tên cơ sở giáo dục): Trường MN Phước Sang

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2017- 2018**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Số lượng | Bình quân |
| **I** | **Tổng số phòng**  | 8 | Số m2/trẻ em |
| **II** | **Loại phòng học** | 5 | 388 m2 |
| 1 | Phòng học kiên cố  | 2 | 2.13 m2 |
| 2 | Phòng học bán kiên cố  | 3 | m2 |
| 3 | Phòng học tạm |  | - |
| 4 | Phòng học nhờ |  | - |
| **III** | **Số điểm trường** | 1 | - |
| **IV** | **Tổng diện tích đất toàn trường** (m2) | 5064 | 2.78 m2 |
| **V** | **Tổng diện tích sân chơi** (m2) | 2000 | 10.9m2 |
| **VI** | **Tổng diện tích một số loại phòng** |  |  |
| 1 | Diện tích phòng sinh hoạt chung (m2) |  |  |
| 2 | Diện tích phòng ngủ (m2) |  |  |
| 3 | Diện tích phòng vệ sinh (m2) | 52 |  |
| 4 | Diện tích hiên chơi (m2) | 150 |  |
| 5 | Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m2) | 117 |  |
| **VII** |  **Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu**(Đơn vị tính: bộ) |  | Số bộ/nhóm (lớp) |
| **VIII** | **Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập** (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v… ) | **6** | **1** |
| **IX** | **Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác** |  | Số thiết bị/nhóm (lớp) |
| 1 | Ti vi | 6 | 1 |
| 2 | Nhạc cụ ( Đàn ocgan, ghi ta, trống) | 7 | 1 |
| 3 | Máy phô tô |  |  |
| 5 | Catsset | 1 | 1 |
| 6 | Đầu Video/đầu đĩa | 1 |  |
| 7 | Thiết bị khác |  |  |
| 8 | Đồ chơi ngoài trời | 10 |  |
| 9 | Bàn ghế đúng quy cách | 182 | 30.3 |
| 10 | Thiết bị khác… |  |  |
| .. | ….. |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | Số lượng (m2) |
| **X** | **Nhà vệ sinh** | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh | Số m2/trẻ em |
|  | Chung | Nam/Nữ | Chung | Nam/Nữ |
| 1 | Đạt chuẩn vệ sinh\* | 20m | 20m |  |  |  |
| 2 | Chưa đạt chuẩn vệ sinh\* |  |  |  |  |  |

*(\*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu )*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | Có | Không |
| **XI** | Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh | x |  |
| **XII** | Nguồn điện (lưới, phát điện riêng) | x |  |
| **XIII** | Kết nối internet (ADSL) | x |  |
| **XIV** | Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục | x |  |
| **XV** | Tường rào xây | x |  |

 Phước Sang, ngày 06 tháng 9 năm 2017

 Thủ trưởng đơn vị

 (Ký tên và đóng dấu)

**Biểu mẫu 04**

*(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp): Phòng GD & ĐT Phú Giáo

(Tên cơ sở giáo dục): Trường MN Phước Sang

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên**

**của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2017- 2018**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Tổng số | Hình thức tuyển dụng | Trình độ đào tạo | Ghi chú |
| Tuyển dụng trước NĐ 116 và tuyển dụng theo NĐ 116(Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn) | Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo NĐ 68) | TS  | ThS | ĐH | CĐ | TCCN | Dưới TCCN |
|  | **Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên** | **23** | **23** | **0** |  |  | **10** | **5** | **4** | **4** |  |
| **I** | **Giáo viên** | **14** | **14** | **0** |  |  | **7** | **5** | **2** |  |  |
| **II** | **Cán bộ quản lý** | **3** | **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Hiệu trưởng | **1** | 1 |  |  |  | 1 |  |  |  |  |
| 2 | Phó hiệu trưởng | **2** | 2 |  |  |  | 2 |  |  |  |  |
| **III** | **Nhân viên** | **6** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nhân viên văn thư |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nhân viên kế toán | **1** | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |  |
| 3 | Thủ quỹ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Nhân viên y tế | **1** | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |  |
| 5 | Nhân viên thư viện |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Nhân viên khác | **4** | 4 | 0 |  |  |  |  |  | 4 |  |
| Tổng cộng | **23** | 23 | 0 |  |  | 10 | 5 | 4 | 4 |  |

 Phước Sang, ngày 06 tháng 9 năm 2017

 Thủ trưởng đơn vị

 (Ký tên và đóng dấu)